

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-02-2021

*“V/v không công nhận vợ chồng”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, TP. CẦN THƠ**

**- *THành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đoàn Thị Trung Thu**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Thái Ánh Trinh**.

2. Ông **Nguyễn Văn Đông**.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Nhàn** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ:***  
Bà **Trần Thị Kiều Oanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1969. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu vực T, phường TH, quận TN, thành phố CT.

2. *Bị đơn:* Ông **Phan Văn Ch**, sinh năm 1965. ( Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực T, phường TH, quận TN, thành phố CT.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* *Tại đơn khởi kiện ngày 13/01/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*** Vào năm 1988, thông qua mai mối bà và ông Phan Văn Ch tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và Ch sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông bà thường đi làm ăn xa, mỗi người một công việc không sống chung với nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi, không còn yêu thương nhau. Đến năm

2006, bà và ông Ch không còn sống chung cho đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông Ch nên yêu cầu được ly hôn với ông Ch.

\* Bị đơn ông Phan Văn Ch trình bày: Về hôn nhân ông thống nhất ý kiến trình bày của bà H về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và thời gian vợ chồng không còn sống chung là đúng. Nay qua yêu cầu ly hôn của bà H, ông đồng ý. Ngoài ra, ông Ch có yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án triệu tập tham gia tố tụng.

Về con chung: Ông bà thống nhất xác định có hai người con chung tên Phan Thanh Tu (nam), sinh ngày 01/01/1989 và Phan Vũ Li (nam), sinh ngày 01/01/1991. Các con đều đã trưởng thành nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông, bà thống nhất xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn Ch. Về con chung: Các con đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn Ch.

- Về con chung: Ông Ch, bà H có hai người con chung tên Phan Thanh Tu (nam), sinh ngày 01/01/1989 và Phan Vũ Li (nam), sinh ngày 01/01/1991. Các con chung đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Ch, bà H xác định không có nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Bị đơn ông Phan Văn Ch vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Ch.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị H với ông Phan Văn Ch tiến tới hôn nhân thông qua mai mối, trên cơ sở tự nguyện và

chung sống từ năm 1988 nhưng trong quá trình chung sống cho đến nay ông bà không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do vậy không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà H có đơn yêu cầu ly hôn với ông Ch nên Tòa án thụ lý theo thủ tục chung và áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn Ch.

[3] *Về con chung*: Ông bà có hai người con chung tên Phan Thanh Tu (nam), sinh ngày 01/01/1989 và Phan Vũ Li (nam), sinh ngày 01/01/1991. Khi ly hôn ông bà thống nhất xác định các con đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông bà thống nhất xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Xét đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có cơ sở chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **\* Tuyên án:**

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Phan Văn Ch.

2. **Về con chung**: Ông Ch, bà H có hai người con chung tên Phan Thanh Tu (nam), sinh ngày 01/01/1989 và Phan Vũ Li (nam), sinh ngày 01/01/1991. Các con chung đều đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

3. **Về tài sản chung và nợ chung**: Ông Ch, bà H xác định không có nên không xem xét giải quyết.

4. **Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm**: Bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm

ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 002554 ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Đoàn Thị Trung Thu**